

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HSST
Ngày 24 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Quốc Hồng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà – Chủ tịch Hội phụ nữ xã Đồng Quế và ông Vũ Mạnh Tuấn - Bí thư đoàn huyện Sông Lô.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2017/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2017. Đối với bị cáo:

Lâm Thị Mỹ L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2000; nơi cư trú thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: hiện là học sinh Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Dạy nghề của huyện Lập Thạch; con ông Lâm Văn P, sinh năm 1979 và bà Lê Thị H, sinh năm 1981; chồng: chưa có; con: hiện nay đang mang thai; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2017. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Kim Hồng T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bị hại: chị Bùi Thị Thúy M, sinh năm 1991 (có mặt).

Trú tại: thôn T xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo và có quyền lợi quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Lê Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Trú tại: thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 7 năm 2017, gia đình nhà chị Bùi

Thị Thúy M ở thôn T xã Đ, huyện S. Tổ chức lễ ăn hỏi cho chị M, trong buổi lễ chị M có nhờ Lâm Thị Mỹ L, trú tại thôn C xã N, huyện S và một số bạn nữ bê cháp ăn hỏi. Khi gia đình nhà trai mang lễ đến gồm 05 cháp trầu cau, hoa quả, bánh kẹo và 15.000.000đ tiền lễ cưới được để trong một phong bao màu đỏ hình chữ nhật có chữ Trung Quốc. Sau khi đón lễ, nhà chị M để lên bàn thờ ở trên tầng hai để thắp hương gia tiên. Khoảng gần 10 giờ cùng ngày, thủ tục ăn hỏi kết thúc mọi người ngồi uống nước ở dưới tầng một. Lâm Thị Mỹ L một mình đi lên tầng hai nhà chị M để thay quần áo. Sau đó, L đi ra ngoài phòng thờ thì nhìn thấy trên bàn thờ trên một cháp ăn hỏi có một phong bao giấy màu đỏ. Linh đến mở chiếc phong bao giấy màu đỏ thấy bên trong có một chiếc phong bì màu trắng đựng tiền. L lấy chiếc phong bì màu trắng đựng tiền bỏ vào túi sách của mình còn chiếc bao giấy màu đỏ để lại trên cháp. Sau đó, L đi xuống vội vàng chào chị M và lấy xe về nhà. Về đến nhà L bóc phong bì kiểm thì thấy tổng số tiền trong phong bì là 15.000.000đ đều là tiền mệnh giá 500.000đ. L cất 15.000.000đ vào túi sách còn chiếc phong bì màu trắng đựng tiền thì vứt ra vườn phía sau nhà. Sáng ngày 18/7/2017, L cầm số tiền trộm cắp được đi ra thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch vào quán điện thoại Phạm Bằng gặp anh Nguyễn Văn L, trú tại xã V, huyện T mua một chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus với giá 7.300.000đ và mua 01 cục sạc pin dự phòng giá 200.000đ hết tổng số tiền là 7.500.000đ. Sau đó L trả nợ cho chị Nguyễn Thị L ở thôn C xã N, huyện S số tiền 500.000đ. L chi tiêu cho bản thân hết 3.500.000đ còn lại 3.500.000đ. Sau khi phát hiện bị mất tiền chị M đã báo cho các cơ quan chức năng. Cơ quan điều tra huyện Sông Lô đã tiếp nhận thông tin và tiến hành điều tra theo qui định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Bùi Thị Thúy M trình bày: Sau khi sự việc xảy ra chị Lê Thị H mẹ của bị cáo L đã bồi thường số tiền 15.000.000đ cho chị vào ngày 23/7/2017 chị đã nhận đủ. Nay chị M không có yêu cầu gì về phần bồi thường.

Quá trình điều tra: Ngày 01/10/2017 Cơ quan điều tra đã trả cho chị Lê Thị H (mẹ bị cáo L) các tài sản gồm: 01 điện thoại Iphone 6 plus; 01 cục sạc, 01 dây cáp sạc, 01 cục sạc pin dự phòng và số tiền 3.500.000đ.

Cáo trạng số 43/KSĐT- KT ngày 22 tháng 10 năm 2017 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Lâm Thị Mỹ L về tội “Trộm Cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lâm Thị Mỹ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p, l khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Thị Mỹ L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: sau khi phân tích tính chất cũng như hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản"; đồng ý với điều luật áp dụng và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tiếp tục được đi học, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Lâm Thị Mỹ L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: lợi dụng sơ hở của gia đình chị Bùi Thị Thúy M, nên khoảng 10 giờ ngày 17 tháng 7 năm 2017, bị cáo đã có hành vi trộm cắp số tiền 15.000.000đ của chị Bùi Thị Thúy M ở thôn T xã Đ.

Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kiểm điểm và lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng theo trình tự của Bộ luật hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi lén lút của Lâm Thị Mỹ L chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Bùi Thị Thúy M trú tại thôn T xã Đ, huyện Sông Lô số tiền 15.000.000đ vào khoảng 10 giờ ngày 17/7/2017 đã phạm cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Do đó bản cáo trạng số: 43/KSĐT - KT ngày 22 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố bị cáo Lâm Thị Mỹ L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo còn trẻ, còn đang ngồi trên ghế nhà trường không chịu tu dưỡng, rèn luyện học tập tốt ham chơi, đua đòi để có tiền tiêu sài cá nhân đã trộm cắp tài sản của người khác, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tài sản nhưng gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền mà người bị hại bị mất, người bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, hiện bị cáo L đang có thai tuần thứ 18. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo sẽ được hưởng quy định tại điểm b, h, p, l khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra Hội đồng xét xử còn áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo được quy định tại Điều 69; Điều 71 và Điều 74 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, hành vi phạm tội của bị cáo chưa đến mức độ phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù với mức án tương xứng với hành vi phạm tội và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo được cải tạo tại địa phương, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, còn là học sinh sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị M không yêu cầu, đề nghị bị cáo phải bồi thường gì. Đối với số tiền 15.000.000đ chị Lê Thị H là mẹ đẻ bị cáo L đã bồi thường cho chị M, chị H không yêu cầu bị cáo L phải trả lại cho chị. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu đỏ.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lâm Thị Mỹ L phải chịu theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thị Mỹ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p, l khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60; Điều 69; Điều 71, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Thị Mỹ L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lâm Thị Mỹ L cho UBND xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu đỏ (có đặc điểm như biên bản chuyển vật chứng ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lâm Thị Mỹ L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô; ;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Quốc Hồng

